

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2024/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định về tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; trang phục, phương tiện, thiết bị đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; trang phục, phương tiện, thiết bị đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 300/BC-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn bản số 6868/UBND-THNC ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung sau thẩm tra và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh trật tự, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; tiêu chuẩn trang phục, phương tiện, thiết bị đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bố trí ở ấp, khu phố thuộc xã, phường, thị trấn; mỗi ấp, khu phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và Tổ viên. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự căn cứ vào yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế xã hội, quy mô dân số (bao gồm cả thường trú và tạm trú), diện tích tự nhiên tại các địa bàn ấp, khu phố, cụ thể:

a) Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư dưới 3.000 người: Mỗi Tổ 03 thành viên.

b) Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 3.000 người đến dưới 5.000 người hoặc ấp, khu phố có diện tích tự nhiên trên 03 km² hoặc ấp có tính đặc thù diện tích lớn hơn 30 km²: Mỗi Tổ 05 thành viên.

c) Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư từ 5.000 người đến dưới 7.000 người; hoặc ấp, khu phố có diện tích tự nhiên trên 05 km²; hoặc ấp có tính đặc thù diện tích lớn hơn 50 km²: Mỗi Tổ 07 thành viên.

d) Tại ấp, khu phố có số lượng dân cư trên 7.000 người hoặc ấp, khu phố thuộc xã, phường, thị trấn trọng điểm phức tạp về trật tự, an toàn xã hội: Mỗi Tổ 09 thành viên.

Điều 4. Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Mức hỗ trợ hàng tháng

a) Tổ trưởng: 3.600.000 đồng/người/tháng.

b) Tổ phó: 2.700.000 đồng/người/tháng.

c) Tổ viên: 1.800.000 đồng/người/tháng.

2. Mức hỗ trợ theo trình độ đào tạo (chỉ áp dụng đối với Tổ trưởng và Tổ phó)

a) Đại học: 1.200.000 đồng/người/tháng.

b) Cao đẳng: 750.000 đồng/người/tháng.

c) Trung cấp: 500.000 đồng/người/tháng.

3. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra đêm

Khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự hoặc tuần tra ban đêm theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt (tính từ 22 giờ đêm hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau) thì được hỗ trợ 100.000 đồng/người/đêm, nhưng không quá 15 đêm/người/tháng.

4. Hỗ trợ tiền thâm niên

Trường hợp có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hỗ trợ 70.000 đồng/tháng, mỗi năm tiếp theo tăng thêm 7.000 đồng/tháng.

5. Hỗ trợ khi thực hiện nhiệm vụ các ngày thứ bảy, chủ nhật, Lễ, Tết

Khi thực hiện nhiệm vụ trong các ngày thứ bảy, chủ nhật, Lễ, Tết (không được bố trí nghỉ bù) được hỗ trợ như sau: (Mức hỗ trợ hàng tháng/30 ngày x 200%)/8 giờ x (số giờ làm việc ngoài giờ không nghỉ bù). Tổng số giờ làm việc ngoài giờ không quá 200 giờ / người/ năm.

6. Khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách thì được hỗ trợ tiền ăn với mức 50.000 đồng/người/ngày.

Điều 5. Hỗ trợ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế

1. Thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện với mức đóng 330.000 đồng. Trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 210.000 đồng, thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đóng 120.000 đồng.

2. Thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tham gia Bảo hiểm y tế với mức đóng 81.000 đồng, trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 54.000 đồng, thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đóng 27.000 đồng.

Điều 6. Hỗ trợ cho người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở mà chưa tham gia Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương bị chết khi thực hiện nhiệm vụ

1. Trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ.

a) Hỗ trợ chi phí điều trị:

- Hỗ trợ các khoản chi phí không được thanh toán từ bảo hiểm y tế, kể cả thuốc mua ngoài theo toa chỉ định của bác sĩ.

- Trong thời gian điều trị nội trú được hỗ trợ tiền ăn hàng ngày với mức 50.000 đồng/ngày đến khi xuất viện.

b) Trợ cấp tai nạn, bị thương:

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giới thiệu đi giám định khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa theo quy định của pháp luật, căn cứ mức độ suy giảm khả năng lao động, được hưởng mức hỗ trợ tương ứng như sau:

- Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến dưới 21% được hưởng trợ cấp một lần bằng 14.400.000 đồng/01 trường hợp.

- Bị giảm khả năng lao động từ 21% đến 40% được hưởng trợ cấp một lần bằng 18.000.000 đồng/01 trường hợp.

- Bị giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% được hưởng trợ cấp một lần bằng 21.600.000 đồng/01 trường hợp.

- Bị giảm khả năng lao động từ 61% đến 80% được hưởng trợ cấp một lần bằng 25.200.000 đồng/01 trường hợp.

- Bị giảm khả năng lao động từ 81% trở lên được hưởng trợ cấp một lần bằng 28.800.000 đồng/01 trường hợp.

Toàn bộ chi phí giám định y khoa được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

2. Hỗ trợ mai táng phí, tử tuất trong trường hợp bị chết khi thực hiện nhiệm vụ

a) Trường hợp bị chết, kể cả trong thời gian điều trị lần đầu, thì người chịu trách nhiệm mai táng được nhận tiền mai táng bằng 18.000.000 đồng/01 trường hợp.

b) Hỗ trợ một lần cho gia đình (cha, mẹ; vợ, chồng; con hoặc người thừa kế theo quy định của pháp luật) với số tiền bằng 21.600.000 đồng/01 trường hợp.

Điều 7. Trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Danh mục, tiêu chuẩn trang bị lần đầu

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01
3	Mũ bảo hiểm	Cái	01
4	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	02
5	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	02
6	Dây lưng	Cái	01
7	Giày da	Đôi	01
8	Đép nhựa	Đôi	01

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
9	Bít tất	Đôi	02
10	Quần áo mưa	Bộ	01
11	Biển hiệu	Cái	01
12	Giấy chứng nhận	Cái	01
13	Chăn	Cái	01
14	Mùng	Cái	01
15	Gối	Cái	01
16	Chiếu trải	Cái	01

2. Danh mục, tiêu chuẩn, niên hạn trang bị những năm tiếp theo

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm gắn huy hiệu	Cái	01	03
2	Mũ cứng gắn huy hiệu	Cái	01	03
3	Mũ bảo hiểm	Cái	01	05
4	Quần áo xuân hè gắn phù hiệu	Bộ	01	01
5	Áo xuân hè dài tay gắn phù hiệu	Cái	01	02
6	Dây lưng	Cái	01	03
7	Giày da	Đôi	01	02
8	Dép nhựa	Đôi	01	01
9	Bít tất	Đôi	02	01
10	Quần áo mưa	Bộ	01	03

STT	Danh mục trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)
11	Biển hiệu	Cái	01	05
12	Giấy chứng nhận	Cái	01	05
13	Chăn	Cái	01	05
14	Mùng	Cái	01	05
15	Gối	Cái	01	05
16	Chiếu trải	Cái	01	02

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ có đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành


1. Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định số lượng, mức phụ cấp, chế độ hỗ trợ đối với Công an xã bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024; riêng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này, hết hiệu lực từ ngày 31 tháng 10 năm 2024.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực:

a) Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức phụ cấp đối với Bảo vệ dân phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về số lượng và chế độ chính sách cho Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. 

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Công an, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND và UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Thái Bảo